

Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục phòng tránh tai nạn thương tích cho học sinh ở các trường tiểu học Thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Đặng Trần Quỳnh Giao*

*Học viên cao học Trường Đại học Sư phạm Huế

Received: 30/7/2023; Accepted: 7/8/2023; Published: 14/8/2023

Abstract: Managing educational activities to prevent accidents and injuries for primary school students is the purposeful and planned impact of the management subject on the managed objects and forces participating in educational activities. accident and injury prevention in order to prevent, reduce and prevent accidents and injuries from occurring to students. However, the process of managing education activities to prevent accidents and injuries in primary schools currently still has obstacles that need to be removed to achieve higher efficiency. From the basis of theoretical research and actual survey, the article points out the current situation of managing educational activities to prevent accidents and injuries for primary school students in Ba Don town, Quang Binh province.

Keywords: Prevention, accident, injury, primary school, Quang Binh

1. Đặt vấn đề

Theo thống kê, tại Việt Nam những năm qua một số tai nạn thương tích (TNTT) như đuối nước, tai nạn giao thông, ngã, bỏng ... vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi. là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tử vong và gây ra những biến chứng trầm trọng cả về sức khỏe và về tinh thần cho trẻ, nhất là độ tuổi học sinh tiểu học (HSTH). Chính vì vậy, việc đảm bảo an toàn, phòng tránh (PT) TNTT cho trẻ là nhiệm vụ vô cùng quan trọng trong việc chăm sóc, giáo dục HSTH hiện nay. Để có một góc nhìn từ thực tiễn quản lý tại một địa bàn cụ thể, bài viết cung cấp một số nét về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục phòng tránh (GDPT) TNTT cho học sinh (HS) ở các trường tiểu học (TTH) thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Tai nạn thương tích và quản lý hoạt động GDPT TNTT

Tai nạn thương tích đối với HSTH là những tai nạn xảy ra ngẫu nhiên hoặc có chủ ý, gây nên thương tích cho cơ thể như rách da, chảy máu, gãy xương, ngạt thở, bỏng, v.v... Hoạt động GDPT TNTT cho HS ở TTH là quá trình nhà quản lý, giáo viên (GV) và các lực lượng có liên quan tổ chức giáo dục, hướng dẫn, tạo mọi điều kiện cho HS để các em chủ động hình thành ý thức, hành vi, kỹ năng PT TNTT có thể xảy ra đối với bản thân và những người xung quanh.

Quản lý hoạt động GDPT TNTT cho HS ở TTH là hoạt động có kế hoạch, có mục đích của chủ thể quản lý lên công tác an toàn, PT TNTT hướng đến giúp HS

có được kiến thức, thái độ, kỹ năng và hành vi đúng đắn, nhờ vậy mà giảm thiểu được các tai nạn, thương tích trong cuộc sống của các em.

2.2. Thực trạng quản lý hoạt động GDPT TNTT cho HS ở các TTH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Để phân tích, đánh giá thực trạng tác giả đã tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi trên 120 khách thể là 12 hiệu trưởng/hiệu phó, 34 tổ trưởng và tổ phó tổ chuyên môn, 74 GV tiểu học, 120 cha mẹ trẻ và 180 HS ở 6 TTH trên địa bàn thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Ngoài ra, tác giả cũng đã tiến hành phỏng vấn sâu đối với 12 hiệu trưởng/phó hiệu trưởng và 17 tổ trưởng tổ chuyên môn. Một số đánh giá chủ yếu về thực trạng như sau:

2.2.1. Thực trạng hoạt động GDPT TNTT cho HS

- Nhận thức về vai trò hoạt động PT TNTT: Tất cả CBQL, GV đều xác định vai trò của hoạt động này ở mức độ “quan trọng”, “rất quan trọng” với mức điểm rất cao và đều là điểm khá, tốt; điểm trung bình là 3,83 điểm. Tuy nhiên, có 31,7% CBQL, GV nhận thức vai trò của GDPT TNTT cho HSTH là “quan trọng” (mức khá), tỷ lệ này cao hơn HS và phụ huynh. Do vậy, vẫn cần thiết bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhận thức của đội ngũ.

- Về kết quả thực hiện mục tiêu: Được đánh giá thực hiện tốt với số điểm bình quân chung theo thang đo khá cao là 3,80 điểm; tất cả các mục tiêu đều nằm trong khung điểm tốt vững chắc. Trong các mục tiêu của hoạt động GDPT TNTT cho HSTH ở thị xã Ba Đồn thì mục tiêu “Tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn

HS kiến thức, kỹ năng PT TNTT thường gặp” được đánh giá cao nhất (3,89 điểm); mục tiêu “Huy động được các lực lượng tham gia xây dựng trường học an toàn, đặc biệt là cha mẹ HS và cộng đồng tại địa phương” với mức 3,67 điểm; trong đó 37,5% GV; 36,1% HS; 25% phụ huynh đánh giá mục tiêu này đạt mức khá. Qua phỏng vấn sâu đội ngũ cũng như trao đổi với phụ huynh có thể thấy, công tác phối hợp với các lực lượng ngoài nhà trường trong thực hiện mục tiêu này chưa tốt.

- Về thực hiện nội dung GDPT TNTT: Có 6/11 nội dung đánh giá tần suất sử dụng thấp dần theo thang đánh giá. Nội dung được sử dụng thường xuyên nhất là: “Truyền thông giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng trường học an toàn, PT TNTT” (3,38 điểm). Hai nội dung có điểm thấp nhất là: “Đẩy mạnh hợp tác, vận động hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, người dân” (3,18 điểm) và “Tăng cường công tác báo cáo, kiểm tra, giám sát liên ngành về phòng, chống tai nạn thương tích” (3,21 điểm); dù được đánh giá khá ở mức vững vàng, nhưng trên thực tế hai nội dung này sử dụng còn kém hiệu quả. Nếu nghiêm túc nhìn nhận, đánh giá thì cả hai nội dung này chỉ mới đạt được mức trung bình. Về kết quả thực hiện nội dung giáo dục: Có 9/11 nội dung nghiên cứu được đánh giá tốt. Hai nội dung được đánh giá khá chính là hai nội dung thấp nhất về tần suất sử dụng.

- Về các nhóm sử dụng phương pháp, hình thức GDPT TNTT: Với khách thể tham gia đánh giá là 120 CBQL, GV và 180 HS. Nhìn chung cả tần suất và kết quả đánh giá, các TTH được khảo sát đều đánh giá phần lớn mức tốt, một số thành tố được đánh giá khá. Đi sâu phỏng vấn kết hợp kết quả khảo sát được thấy, việc thực hiện vẫn còn một số nội dung chưa được đánh giá cao. Một số hình thức, phương pháp tăng cường rèn luyện kỹ năng và trải nghiệm cho HS có trường chưa chú trọng. Bởi vậy cần sử dụng thường xuyên, linh hoạt, có trọng tâm để nâng cao hiệu quả.

2.2.2. Thực trạng quản lý hoạt động GDPT TNTT cho HS

- Về quản lý mục tiêu: Kết quả đánh giá mức độ đạt được trong quản lý mục tiêu GDPT TNTT cho HS ở các TTH được khảo sát thể hiện rất rõ chất lượng hoạt động quản lý mục tiêu này. Tất cả các thành tố đề ra đều được đánh giá đạt mức tốt (đạt từ 3,56 điểm đến 3,79 điểm), trong đó yếu tố “Hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo các cá nhân, tổ chức trong trường bám sát các hoạt động để đạt các mục tiêu GDPT TNTT cho HS” đạt mức điểm cao nhất. Vẫn còn 14 lượt ý kiến đánh giá 5/6 mục tiêu đạt mức trung bình (chiếm

gần 2%), chứng tỏ đội ngũ chưa đánh giá cao một số mục tiêu đạt được, đòi hỏi CBQL cần tìm ra biện pháp hữu hiệu hơn trong quản lý mục tiêu GDPT TNTT cho HS.

- Về quản lý nội dung giáo dục: Khảo sát tại 6 trường cho chúng tôi số liệu sau:

Bảng 2.1. Thực trạng quản lý nội dung GDPT TNTT cho HS ở các TTH thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

TT	Nội dung quản lý	Mức độ đạt được				Điểm TB	Xếp hạng
		Tốt	Khá	TB	Yếu		
1	Xác định chiến lược về nội dung GDPT TNTT cho HS trong từng giai đoạn phát triển của trường	89	30	01		3,73	1
2	Quy hoạch, chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, tài chính, CSVC - TBGD cho thực hiện nội dung GDPT TNTT	53	66	01		3,43	9
3	Đánh giá đúng thực trạng nội dung giáo dục và việc thực hiện nội dung GDPT TNTT	66	51	03		3,53	7
4	Thiết lập mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể về phát triển và thực hiện nội dung GDPT TNTT	69	51			3,58	4
5	Xây dựng hệ thống các biện pháp, giải pháp thực hiện kế hoạch về phát triển và thực hiện nội dung giáo dục	71	49			3,59	3
6	Xác định rõ phân công, phân cấp trong thực thi kế hoạch và thực hiện nội dung GD	66	53	01		3,54	6
7	Tổ chức bộ máy, nhân sự để triển khai thực hiện các hoạt động phát triển và thực hiện nội dung GDPT TNTT cho HS theo đúng phân công, phân cấp đã xác định	62	58			3,52	8
8	Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển và thực hiện nội dung PT TNTT	75	45			3,63	2
9	Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện và đánh giá kết quả xây dựng, hoàn thiện và thực hiện nội dung giáo dục	69	51			3,58	4
Tổng hợp chung		620	454	06		3,57	

Bảng 2.1 cho thấy việc quản lý nội dung PT CNTT cho HS của các TTH được khảo sát đạt được mức độ khá toàn diện. CBQL và GV đã đánh giá mức độ quản lý nội dung đạt trung bình chung loại tốt (đạt 3,57 điểm). Cả 9 nội dung GDPT CNTT cho HS đều được đánh giá có mức độ quản lý tốt. Tuy nhiên, vẫn còn 6 lượt ý kiến đánh giá một số nội dung đạt mức trung bình. Dù tỷ lệ rất thấp (chiếm 0,5%), điều này đòi hỏi CBQL cần suy ngẫm.

- *Về nội dung quản lý phương pháp, hình thức, điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục:* được các khách thể khảo sát đánh giá triển khai thực hiện ở mức độ tốt (điểm trung bình chung về quản lý phương pháp đạt 3,69 điểm; quản lý hình thức đạt 3,72 điểm; quản lý điều kiện hoạt động 3,73 điểm). Điều này chứng tỏ công tác quản lý đã thực hiện đúng hướng, xác định đúng trọng tâm của công tác GDPT CNTT cho HS. Mặc dù vậy, qua phỏng vấn sâu, chúng tôi nhận thấy vẫn còn đó sự nương nhẹ trong một số đánh giá các nội dung cụ thể trong các nhóm quản lý các hoạt động nói trên, bởi quan niệm do điều kiện, hoàn cảnh còn nhiều khó khăn mà làm được như vậy đã là tốt.

- *Về ảnh hưởng của các yếu tố đến quản lý hoạt động GDPT CNTT:* được khảo sát trên khách thể gồm 120 CBQL, GV và 120 phụ huynh.

Sự chỉ đạo của các cơ quan quản lý cấp trên: phần lớn CBQL, GV và phụ huynh đều khẳng định các yếu tố khách quan có ảnh hưởng rất lớn đến quản lý hoạt động này, với mức điểm trung bình theo thang đo là 3,51 điểm. Trong đó xếp hạng theo thứ tự ảnh hưởng là: “Sự chỉ đạo của các cơ quan quản lý cấp trên” (3,57 điểm), “Môi trường xã hội” (3,49 điểm), “Sự phối hợp của gia đình và cộng đồng” (3,46 điểm).

Môi trường xã hội: được đánh giá có mức độ ảnh hưởng khá nhiều đến quản lý hoạt động giáo dục phòng tránh CNTT cho HS. Kết quả nghiên cứu khẳng định, các yếu tố thuộc về môi trường xã hội, như: chính trị, kinh tế, văn hoá, thể thao, lịch sử, v.v nói chung; quan điểm chỉ đạo của Bộ GD &

ĐT, Vụ GDTH; cơ chế, văn bản, nghị quyết, chính sách; việc động viên, khen thưởng, và chế độ chính sách đối với GV đều chi phối, tác động khá mạnh.

Sự phối hợp của gia đình và cộng đồng: được CBQL và GV và phụ huynh tham gia khảo sát đánh giá có mức độ ảnh hưởng khá mạnh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố thuộc về gia đình và cộng đồng, như: quan điểm, nhận thức của gia đình, cộng đồng về GDPT CNTT cho HS các trường tiểu học; sự phối hợp của gia đình, cộng đồng với giáo viên và nhà trường trong GDPT CNTT cho HS đều có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả quản lý hoạt động này.

Điều đáng chú ý ở đây là qua các phiếu hỏi CBQL, GV và phụ huynh khi trả lời đến các yếu tố liên quan đến cộng đồng thì phần lớn đều nghiêng về đánh giá mức khá. Việc tuyên truyền để làm chuyển biến nhận thức của cộng đồng đòi hỏi quá trình bền bỉ, lâu dài, khéo léo, linh hoạt, hiệu trưởng cần chú ý huy động lực lượng cộng đồng tham gia hiệu quả vào các hoạt động. Chỉ trên cơ sở đó, tính bền vững của hoạt động mới được đảm bảo.

Đối với các yếu tố chủ quan: Điểm trung bình theo đánh giá của từng yếu tố vẫn đạt mức tốt theo thứ tự từ cao đến thấp là: “Năng lực của cán bộ quản lý TTH” (3,53 điểm); “Năng lực và trách nhiệm của giáo viên” (3,50 điểm); “Sự tham gia của HS” (3,35 điểm). Điều này chứng tỏ hầu hết CBQL, GV, phụ huynh đều nhận thức đúng về vai trò của CBQL, GV, HS trong thực hiện công tác quản lý hoạt động GDPT CNTT cho HSTH. Điều đáng lưu ý ở đây là: Không quá đề cao và quan trọng hóa năng lực của CBQL trong hoạt động GDPT CNTT cho HSTH, nhưng rõ ràng, năng lực ấy có tính quyết định rất lớn đến chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý hoạt động GDPT CNTT cho HS trong các TTH.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động GDPT CNTT cho HS ở các trường tiểu học thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cho thấy, các TTH đã đáp ứng khá tốt những yêu cầu đặt ra đối với công tác quản lý hoạt động GDPT CNTT cho HSTH. Đặc biệt chủ thể quản lý được đánh giá thực hiện tốt trong các nội dung quản lý, từ xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu đến quản lý nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục cũng như quản lý điều kiện hỗ trợ hoạt động GDPT CNTT cho HS ở các TTH. Đây là cơ sở quan trọng để đề xuất biện pháp nhằm thực hiện có hiệu quả hoạt động GDPT CNTT cho HS ở các trường tiểu học./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông*, Hà Nội.
2. Lê Khánh Tuấn (2019a, tái bản lần 2), *Dự báo và Kế hoạch hoá trong quản lý giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam.
3. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Quốc Chí (2010), *Khoa học quản lý*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định: Phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2021 - 2030*.
5. Vũ Cao Đàm (1999, tái bản lần thứ 5), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.